TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 384/2021/HSST
Ngày 27/8/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Phan Thanh Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 330/2020/TLST-HS, ngày 24 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2021/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 7 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Lê Hữu T, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 14/5/1986. Nơi ĐKHKTT: Xóm C, xã H, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hữu K (đã chết) và con bà Tạ Thị Th; Vợ, con chưa có; Tiền sự: Không.

- Tiền án: 05

+ Tại Bản án số 141/HSST ngày 31/8/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". (Trị giá tài sản là 5.300.000 đồng). Ra trại ngày 28/6/2005. Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ đã ra quyết định đình chỉ thi hành án số 40/QĐ-THA ngày 12/9/2011 đối với khoản án phí 50.000 đồng.

+ Tại Bản án số 187/2007/HSST ngày 11/9/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ra trại ngày 30/6/2009. Nộp án phí ngày 12/9/2011.

+ Tại Bản án số 71/2011/HSST/ ngày 25/3/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản" (Trị giá tài sản 1.800.000 đồng). Ra trại ngày 19/6/2013. Nộp án phí ngày 09/7/2014.

+ Tại Bản án số 198/2014/HSST ngày 11/3/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 02 năm tù về tội " Trộm cắp tài sản". (Trị giá tài sản là 280.000 đồng). Ra trại ngày 24/10/2015. T đã nộp án phí ngày 22/8/2014.

+ Tại Bản án số 149/HSST/2017 ngày 27/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 42 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". (Trị giá tài sản 1.600.000 đồng). Ra trại ngày 07/7/2020. Nộp án phí ngày 27/7/2017.

- Nhân thân: 05.

+ Tại Quyết định số 25/QĐ/XPVPHC ngày 18/01/2001 Công an phường Gia Sàng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 50.000 đồng về hành vi "Cất giữ tài sản của người khác".

+ Tại Quyết định số 2694/QĐ-UB ngày 05/7/2001 Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đưa đối tượng vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng. T đã chấp hành xong.

+ Tại Quyết định số 51/QĐ/XPVPHC ngày 12/4/2002 Công an phường Gia Sàng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 50.000 đồng về hành vi "chiếm giữ trái phép tài sản".

+ Tại Quyết định số 88/QĐ-XPVPHC ngày 24/6/2004 Công an thành phố Thái Nguyên ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 50.000 đồng về hành vi "trộm cắp vặt".

+ Tại Quyết định số 45/QĐ/XPHC ngày 25/02/2010 Công an phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 150.000 đồng về hành vi "trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/4/2021 đến nay. Hiện bị can đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

2. Triệu Tử D, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 25/4/1983. Nơi ĐKHKTT: Tổ 1, phường G, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Tử Đ, (đã chết) và con bà Nguyễn Thị P; Vợ là Phạm Thị S, có 03 con; Tiền sự: Không.

- Tiền án: 02

+ Tại Bản án số 35/2017/HSST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăklăk xử phạt 1 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".(Trị giá tài sản là 10.550.000 đồng)

+ Tại bản án sơ thẩm số 45/2017/HSST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Trị giá tài sản 3.000.000 đồng. Tại Bản án phúc thẩm số 348/2017/HS-PT ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tại Quyết định tổng hợp hình phạt số 09/2018/QĐ-THHP ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định tổng hợp hình phạt của 02 bản án trên, buộc Triệu Tử D chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 03 năm tù. Ra trại ngày 08/12/2019. Thi hành án phí xong ngày 21/5/2018. D chưa nộp tiền truy thu 1.500.000 đồng.

- Nhân thân: 03

+ Tại Quyết định số 2640/QĐ-UB ngày 05/7/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng. D đã chấp hành xong.

+ Tại Quyết định số 577/QĐ ngày 14/6/2004 của Công an phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 50.000 đồng về hành vi "trộm cắp vặt".

+ Tại Quyết định số 08/QĐ-XPHC ngày 28/3/2006 của Công an phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 150.000 đồng về hành vi "trộm cắp vặt".

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/3/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* 1. Chị Chu Thị Thanh Tr, sinh năm 1991, có đơn xin xét xử vắng mặt

Trú tại: Tổ 15, phường P, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị S, sinh năm 1984, vợ của Triệu Tử D. Có mặt.

Trú tại: Tổ 1, phường G, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

* *Người làm chứng:* Anh Trần Sỹ H, sinh năm: 1988, vắng mặt

Trú tại: xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Tử D và Lê Hữu T là hai đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 17 giờ ngày 04/3/2021, D điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS 20H2- 0006, phía sau chở T đi đến khu vực Cầu Gia Bảy, thành phố Thái Nguyên mua ma túy sử dụng. Sau khi sử dụng xong, đến khoảng 18 giờ cùng ngày, D đèo T trên đường Phan Đình Phùng, khi đến khu vực tổ 15, phường P, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên thì T, D nhìn thấy căn nhà số 427, sau xác định là nhà của chị Chu Thị Thanh Tr (sinh năm 1991, trú tại: Tổ 15, phường P, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên), cửa đang mở, trong nhà không có ai, bên trong có 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S, màu bạc, dung lượng 16GB, đã qua sử dụng là tài sản của chị Tr, đang sạc pin ở trên tủ đựng giày, cạnh cửa ra vào. T, D đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. D dừng xe cách nhà chị Tr một đoạn đứng cảnh giới còn T xuống xe, vào trong nhà chị Tr, đến vị trí để chiếc điện thoại rút chiếc điện thoại ra khỏi chân xạc và cho vào túi áo khoác bên phải của T đang mặc rồi đi ra chỗ D đang đợi. Sau đó, T, D mang chiếc điện thoại vừa trộm cắp được của chị Tr đến quán sửa chữa điện thoại Đức Trọng ở số 383, đường Lương Ngọc Quyến, TP Thái Nguyên bán cho anh Trần Sỹ H(SN: 1988, trú tại: xã Bồ Đề, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam) với giá 550.000 đồng. Sau khi bán xong, D và T cùng đi mua ma túy hết 300.000 đồng để sử dụng, số tiền còn lại D và T dùng để tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 07/3/2021, anh H đã bán chiếc điện thoại cho một người không quen biết với giá 1.000.000 đồng. Đối với chị Tr sau khi phát hiện bị mất chiếc điện thoại đã kiểm tra

Camera an ninh đã phát hiện ra T và D trộm cắp nên đã đến Công an thành phố Thái Nguyên trình báo.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 72/HĐĐGTS ngày 11/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: 01 chiếc điện thoại di động mang nhãn hiệu Iphone 6S màu bạc, dung lượng 16GB, đã qua sử dụng của chị Tr có trị giá 2.100.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc điện thoại di động mang nhãn hiệu Iphone 6S màu bạc, dung lượng 16GB, đã qua sử dụng của chị Chu Thị Thanh Tr. Hiện không thu hồi được; 01 xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu NATURE *(theo kết quả xác minh phương tiện giao thông)*, màu sơn nâu, BKS: 20H2 – 0006, số khung: LLXC*20013455, số máy: FMG*02248739. Quá trình điều tra xác định chiếc xe là của chị Phạm Thị S - là vợ của Triệu Tử D. Hiện chiếc xe đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự, thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 340/KSĐT- KT ngày 24/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Lê Hữu T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS 2015, truy tố bị cáo Triệu Tử D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS 2015.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Lê Hữu T, Triệu Tử D khai nhận: bản thân là người nghiện ma túy, để có tiền mua ma túy, hai bị cáo đã rủ nhau trộm cắp tài sản. Do đó, khi quan sát thấy nhà chị Tr không có người trông coi, hai bị cáo đã bàn nhau lấy trộm chiếc điện thoại của chị Tr để trên tủ giầy trong nhà mang đi bán được 550.000 đồng. Hai bị cáo thống nhất với tội danh và khung hình phạt như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố, thừa nhận không có oan, sai. Hai bị cáo đều chưa bồi thường cho bị hại.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị S khai: Chiếc xe máy nhãn hiệu NATURE, màu sơn nâu, BKS: 20H2 – 0006 Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo D là của chị mua của một người không quen biết từ khi bị cáo D còn đang đi cải tạo. Chị không biết việc bị cáo D - chồng chị sử dụng chiếc xe của chị để đi trộm cắp tài sản. Tại phiên tòa chị đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị chiếc xe trên để có phương tiện đi lại.

- Sau khi kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Thái Nguyên trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Hữu T, Triệu Tử D phạm tội " Trộm cắp tài sản".

+ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; Điểm s khoản 1Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38BLHS xử phạt Lê Hữu T từ 36 đến 42 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; Điểm s khoản 1Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38BLHS xử phạt Triệu Tử D từ 18 đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về vật chứng áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS; Hoàn trả cho chị Phạm Thị S 01 xe môt tô nhãn hiệu nhãn hiệu NATURE, màu sơn nâu, BKS: 20H2 – 0006

+ Án phí: Các bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định.

- Trong phần tranh luận các bị cáo không tranh luận, trong lời nói sau cùng các bị cáo chỉ xin HĐXX xét xem cho giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc giải quyết.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo là khách quan phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và những chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 18 giờ ngày 04/3/2021, tại tổ 15, phường P, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, Lê Hữu T và Triệu Tử D đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động mang nhãn hiệu Iphone 6S màu bạc, dung lượng 16GB, đã qua sử dụng trị giá 2.100.000 đồng của chị Chu Thị Thanh Tr. Hiện chiếc điện thoại chưa thu hồi được.

Về vai trò đồng phạm của các bị cáo: Các bị cáo có vai trò đồng phạm như nhau đều trực tiếp thực hiện tội phạm.

Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Hữu T, Triệu Tử D phạm tội "Trộm cắp tài sản" , tội phạm và hình phạt của bị cáo T được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173BLHS, tội phạm và hình phạt của bị cáo D được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS như bản cáo trạng truy tố là đúng pháp luật. Nội dung điều luật như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

... g) Tái phạm nguy hiểm"

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân

được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi cá nhân muốn có tiền để tiêu sài nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên đã cố ý phạm tội.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo T có 05 tiền án, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo D có hai tiền án, do 02 bản án đều xét xử trong tháng 9/2017 và tổng hợp hình phạt trong giai đoạn thi hành án nên bị cáo D phạm tội lần này được coi là tái phạm không phải là tái phạm nguy hiểm. Các bị cáo đều có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị xét xử và xử lý vi phạm hành chính nhưng không lấy đó làm gương mà vẫn tiếp tục phạm tội. Điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần phải áp dụng mức án nghiêm khắc đối với hai bị cáo để răn đe, phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ thành khẩn , trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo D phải chịu thêm tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét hai bị cáo là đối tượng nghiện ma túy không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Tr không đề nghị các bị cáo bồi thường giá trị chiếc điện thoại bị mất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động mang nhãn hiệu Iphone 6S màu bạc, dung lượng 16GB, đã qua sử dụng của chị Chu Thị Thanh Tr không thu hồi được. Đối với 01 Chiếc xe máy, nhãn hiệu NATURE *(theo kết quả xác minh phương tiện giao thông)*, màu sơn nâu, BKS: 20H2 – 0006 Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo D là của chị Phạm Thị S, vợ bị cáo. Ngày 04/3/2021, chị S không biết việc bị cáo D sử dụng xe trên để đi trộm cắp tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử trả lại cho chị S quản lý, sử dụng.

[7] Án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hữu T, Triệu Tử D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; Điểm s khoản 1Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38BLHS, xử phạt Lê Hữu T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; Điểm s khoản 1Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38BLHS, xử phạt Triệu Tử D 18

(Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày10/3/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 328 tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

Hoàn trả cho chị Phạm Thị S 01 xe môtô nhãn hiệu NATURE, số loại 100, loại xe: hai bánh từ 50-175cm^3, màu sơn nâu, BKS: 20H2 – 0006, số khung LLXC*20013455, số máy FMG*02248739, dung tích xi lanh 97, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 473 ngày 25/6/2021 giữa cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên).

3. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Công an TPTN;
- THADS TPTN;
- Bị cáo, BH; NLQ;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tứ Xuân